

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/KDTM-ST
Ngày: 18 – 11 – 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng đại lý

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Vĩnh Ảnh

2. Ông Đỗ Ngọc Cận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST-KDTM, ngày 25/12/2019, về “*Tranh chấp hợp đồng đại lý*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2020/QĐXXST-KDTM ngày 07/10/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần J; Địa chỉ trụ sở chính: Số 188, đường L, phường 10, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Lê Q, chức vụ: Tổng Giám đốc; Địa chỉ: Số 23, đường N, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc Phương T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà C2.1, Chung cư 1, đường H, phường L, quận N, Thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại H; Địa chỉ trụ sở chính: Số 195, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 2A/4, Khu vực 3, phường H, quận C, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2019 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc Phương T trình bày:

Vào ngày 11/04/2019, Chi nhánh Công ty Cổ Phần J (viết tắt là Công ty J) tại Cần Thơ có ký hợp đồng mua bán số ST031-19/HĐMB/CNCT với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại H (viết tắt là Công ty H), như sau: Chi nhánh Công ty J đồng ý cho Công ty H làm đại lý bán hàng cho Công ty cả năm 2019 theo phương thức bao tiêu tổ chức mua và bán các sản phẩm hàng hóa của Công ty J với các thỏa thuận sau:

- Hàng hóa: Các sản phẩm do Công ty J sản xuất gồm: Các loại bột trét, các loại sơn nước, các loại sơn dầu.

- Số lượng: Tổng giá trị hàng hóa mua bán được thỏa thuận bằng phụ lục hợp đồng và thực hiện theo từng đơn hàng cụ thể chi tiết về số lượng, chủng loại, tiến độ và địa điểm giao nhận cho từng loại sản phẩm.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Thời hạn thanh toán: Công nợ phát sinh hàng tháng được thể hiện trên Phụ lục hợp đồng; Toàn bộ công nợ phát sinh của tháng được tất toán vào ngày 05 của tháng kế tiếp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể là đến ngày 14/10/2019 Công ty H còn nợ tiền mua hàng tháng 05 và tháng 06/2019 của Chi nhánh Công ty J tổng số tiền là 62.989.188 đồng (sáu mươi hai triệu chín trăm tám mươi chín nghìn một trăm tám mươi tám đồng) theo phiếu xác nhận của Công ty H.

Chi nhánh Công ty J đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo đòi nợ nhưng Công ty H đã không thực hiện đúng theo hợp đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty H phải thanh toán cho Công ty J số tiền 62.989.188 đồng (sáu mươi hai triệu chín trăm tám mươi chín nghìn một trăm tám mươi tám đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, riêng đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn chưa chấp hành đúng quy định. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, 95, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 168, 169, 172 và 175 của Luật Thương mại 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty J.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Công ty J và Công ty H có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa với hình thức Công ty J cho Công ty H làm đại lý bán hàng cả năm 2019 theo phương thức bao tiêu tổ chức mua và bán các sản phẩm hàng hóa của Công ty J. Thực hiện hợp đồng, Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng nên Công ty J yêu cầu Tòa án buộc Công ty H thanh toán tiền nợ mua hàng tháng 05, 06/2019. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng đại lý*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên có thỏa thuận việc giải quyết tranh chấp phát sinh sẽ do Tòa án kinh tế tại Thành phố Cần Thơ giải quyết. Tuy nhiên thỏa thuận này không đúng quy định của pháp luật vì sai thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo cấp xét xử. Xét thấy trong vụ án, bị đơn Công ty H có đăng ký kinh doanh và đặt trụ sở làm việc tại thành phố S nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ cho bị đơn Công ty H do ông Huỳnh Thanh L là người đại diện hợp pháp theo địa chỉ được ghi trong đơn khởi kiện cũng là địa chỉ mà Công ty H đã đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên trong suốt quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt không lý do, không thông báo địa chỉ hiện tại cho người khởi kiện. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty H và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty J yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty H thanh toán số tiền còn nợ 62.989.188 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Theo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn Công ty J cung cấp, giữa Công ty J và Công ty H có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số ST031-19/HĐMB/CNCT ngày 11/4/2019 và các phụ lục Hợp đồng số ST031/PLCK2019, ST031/PLCS2019 cùng ngày 11/4/2019, các bên ký kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 168 của Luật Thương mại năm 2005, do đó hợp đồng có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng.

[3.2] Về nội dung hợp đồng, Công ty H làm đại lý bán hàng cho Công ty J trong phạm vi tỉnh Sóc Trăng cả năm 2019 theo phương thức bao tiêu và bán các sản phẩm hàng hóa của Công ty J. Công ty H sẽ nhận chiết khấu bán hàng do Công ty J chi trả. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã nhận các sản phẩm hàng hóa từ Công ty J bắt đầu từ ngày 22/4/2019 đến ngày

17/6/2019 gồm các loại sơn và bột (hóa đơn giá trị gia tăng (bút lục từ 38-69) do Công ty J cung cấp) với số tiền mua hàng tháng 05, 06/2019 là 62.989.188 đồng. Đối với số tiền này, Công ty H vẫn chưa thanh toán cho Công ty J và hai bên có lập “Phiếu tổng hợp công nợ” và “Xác nhận số dư phải thu” ngày 14/10/2019 (bút lục số 32-33) với nội dung Công ty H xác nhận còn nợ tiền mua hàng tháng 05, 06/2019 của Công ty J với số tiền là 62.989.188 đồng (sáu mươi hai triệu chín trăm tám mươi chín nghìn một trăm tám mươi tám đồng).

Tại khoản 3 Điều VII của hợp đồng quy định về trách nhiệm vật chất *“Nếu quá thời hạn theo các thỏa thuận mà Bên A vẫn không thanh toán cho Bên B theo Phụ lục hợp đồng (nếu có), thì Bên A chấp nhận cho Bên B thu hồi hàng hóa của Bên B để cản trừ công nợ hoặc Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và chuyển hồ sơ sang cơ quan chức năng giải quyết”*, mục I.2 Điều 1 của phụ lục Hợp đồng số ST031/PLCS2019 ngày 11/4/2019 có quy định thời hạn thanh toán tiền hàng là *“35 ngày kể từ ngày đầu tháng phát sinh (từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng kế tiếp thanh toán cho phát sinh của tháng trước)”*. Căn cứ vào thỏa thuận trên của hợp đồng thì Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng tháng 05, 06/2019 và Công ty J có quyền khởi kiện yêu cầu Công ty H trả số tiền nợ này.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thông báo và niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật nhưng Công ty H đều vắng mặt không lý do, không ý kiến, phản đối những tài liệu, chứng cứ Công ty J cung cấp (Hợp đồng mua bán hàng hóa số ST031-19/HĐMB/CNCT ngày 11/4/2019, các phụ lục hợp đồng, các hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng và phiếu tổng hợp công nợ). Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự về những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định Công ty H còn nợ tiền mua hàng tháng 05, 06/2019 với số tiền 62.989.188 đồng (sáu mươi hai triệu chín trăm tám mươi chín nghìn một trăm tám mươi tám đồng) là sự thật và Công ty J yêu cầu Công ty H trả số tiền nợ này là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Công ty J không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Công ty H phải chịu 3.149.459 đồng (ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty J không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ty J có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với Công ty H có quyền

kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 168, 175, 176 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần J. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần J số tiền 62.989.188 đồng (sáu mươi hai triệu chín trăm tám mươi chín nghìn một trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn Công ty cổ phần J cho đến khi thi hành xong khoản tiền Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại H phải thanh toán cho Công ty cổ phần J nêu trên, hàng tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại H phải chịu 3.149.459 đồng (ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty cổ phần J không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty cổ phần J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001492 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Công ty cổ phần J có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại H có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung);

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND thành phố S;*
- *CC THADS thành phố S;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng